



TON DONG A

cùng xây cuộc sống xanh

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 



BROCHURE **KINGMAX**



KINGMAX là sản phẩm cao cấp của Tôn Đông Á được sản xuất với sự kết hợp giữa lớp thép nền mạ kẽm hoặc hợp kim nhôm kẽm và các hệ sơn chuyên biệt, cho khả năng đáp ứng các yêu cầu từ cơ bản đến khắt khe nhất của nhiều loại hình dự án và công trình khác nhau.

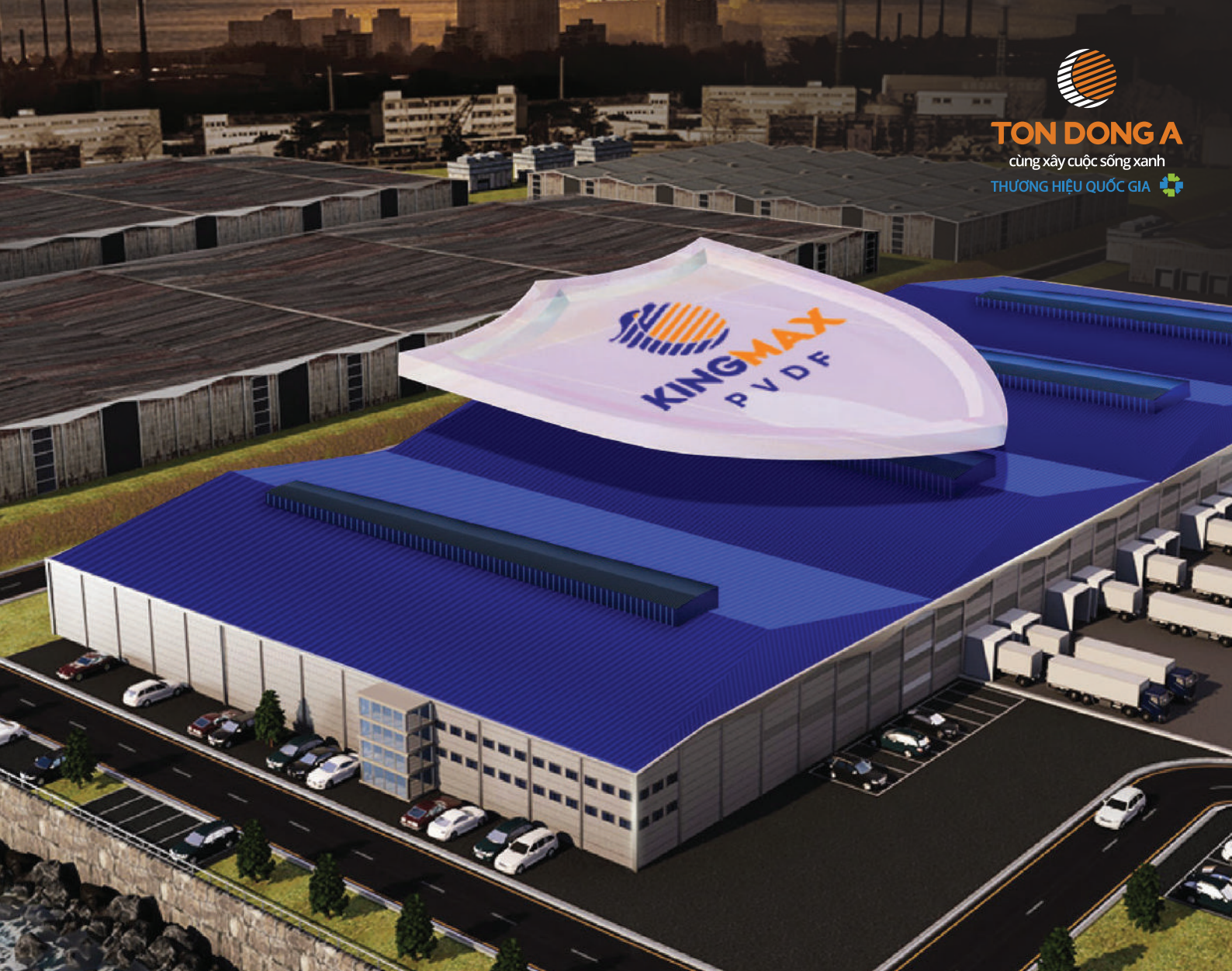
KINGMAX is a premium product of Ton Dong A which is produced by the combination of zinc or aluminum-zinc alloy coating with specialized painted types. The product can meet the basic and strict requirements of many projects and constructions.



TON DONG A

cùng xây cuộc sống xanh

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



THÔNG TIN SẢN PHẨM/PRODUCT DESCRIPTION

KINGMAX PVDF là sản phẩm cao cấp của Tôn Đông Á với sự kết hợp giữa lớp thép nền mạ kẽm hoặc hợp kim nhôm kẽm và lớp sơn phủ đặc biệt PVDF (Polyvinylidene flouride) với thành phần chủ yếu 70% là nhựa Kynar 500® hoặc Hylar 5000®, giúp cho sản phẩm có độ bền màu và khả năng chống ăn mòn ở mức cao nhất.

KINGMAX PVDF is a premium product of Ton Dong A which is produced by the combination of zinc or aluminum-zinc alloy coating with special coating PVDF (Polyvinylidene flouride), including 70% main ingredient is Kynar 500® resin or Hylar 5000® resin, which gives the product the highest color fastness and corrosion resistance.

ƯU ĐIỂM VƯỢT TRỘI/PREDOMINANCE

- Được thiết kế riêng cho các dự án có yếu tố ăn mòn nhân tạo từ hoạt động bên trong hoặc xung quanh công trình như các tác nhân hóa học & sinh học.
- Một sự lựa chọn khác là sản phẩm có thể đáp ứng cho các dự án yêu cầu độ bền màu cao nhất nếu chỉ xét về yếu tố ăn mòn tự nhiên.
- *Designed specifically for projects with artificial corrosion elements from the operation inside or around the building such as chemical and biological factors.*
- *Another choice is that the Product can meet the projects that require the highest durability especially in color if only affected by natural corrosion factor.*

CẤU TRÚC SẢN PHẨM/ PRODUCT STRUCTURE

Lớp bảo vệ bề mặt (tùy chọn)

Guard Film (optional)

≥ 12μm (Clear coat)

Lớp sơn hoàn thiện mặt chính

Top finish coat

≥ 20μm, PVDF
(Polyvinylidene fluoride)

Lớp sơn lót mặt chính

Top primer coat

≥ 5μm, PU (Polyurethane)

Lớp biến tính

Conversion coat

20 ~ 40 mg/m²

Lớp mạ kẽm / hợp kim nhôm kẽm

Galvanized/Galvalume

Z275 / AZ150 / AZ200

Thép nền

Substrate

Lớp mạ kẽm / hợp kim nhôm kẽm

Galvanized/Galvalume

Z275 / AZ150 / AZ200

Lớp biến tính

Conversion coat

20 ~ 40 mg/m²

Lớp sơn lót mặt lưng

Back primer coat

≥ 5μm, PU (Polyurethane)

Lớp sơn hoàn thiện mặt lưng

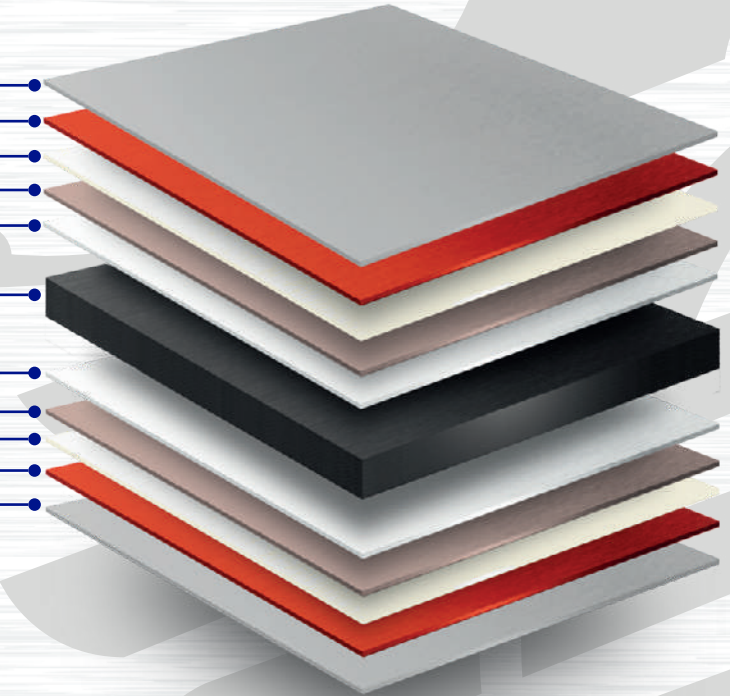
Back finish coat

≥ 20μm, PVDF
(Polyvinylidene fluoride)

Lớp bảo vệ bề mặt (tùy chọn)

Guard Film (optional)

≥ 12μm (Clear coat)



BẢO HÀNH* /WARRANTY*

(Đơn vị/Units: Năm/Years)



(*) Áp dụng theo điều kiện & điều khoản bảo hành của Tôn Đông Á
Ton Dong A's warranty terms & condition apply

(*) Đây là thông tin tham khảo về chế độ bảo hành danh định cho sản phẩm Tôn Đông Á. Tùy theo điều kiện thiết kế, lắp đặt, vị trí lắp đặt và điều kiện sử dụng bên trong công trình, thời gian bảo hành có thể thay đổi. Chứng nhận bảo hành sẽ cung cấp cho khách hàng sau khi công trình được hoàn thành.

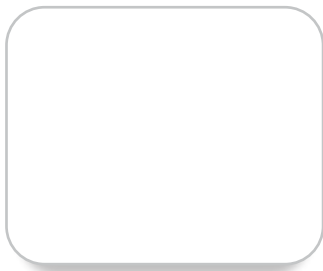
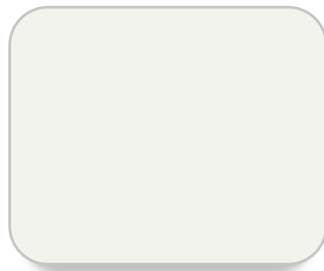
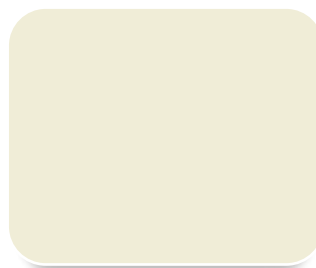
This is the reference information about the nominal warranty for Ton Dong A products. Depending on the design, installation, installation location and using conditions, the warranty period may be changed. Warranty certificate will be provided to Customers after completing the project.

THÔNG SỐ SẢN PHẨM/PRODUCT SPECIFICATION

Loại sản phẩm Product type		PPGL (Pre-painted galvalume coated steel)		PPGI (Pre-painted galvanized coated steel)
Hợp kim nhôm kẽm / Kẽm Aluminium - Zinc Alloy / Zinc		(55% Al + 43,5% Zn + 1.5% Si)		(99% Zn)
Khối lượng lớp mạ (g/m²/2 mặt) Coating mass (g/m ² /both sides)		AZ150	AZ200	Z275
Độ dày thép nền – BMT (mm) Base metal thickness		0,32 ~ 0,65	0,35 ~ 0,65	0,40 ~ 0,92
Độ dày bao gồm lớp mạ hợp kim – TCT (mm) Total coating thickness		0,37 ~ 0,70	0,40 ~ 0,70	0,44 ~ 0,96
Độ dày thành phẩm – APT (mm) After painting thickness		0,41 ~ 0,74	0,44 ~ 0,74	0,48 ~ 1,00
Độ dày lớp sơn khô – DFT Dry film thickness (µm)	Mặt chính Top coat	≥ 25 (sơn lót + sơn hoàn thiện/ primer + finish coat)		
	Mặt lưng Back coat	≥ 25 (sơn lót + sơn hoàn thiện/ primer + finish coat)		
Lớp bảo vệ bề mặt (tuỳ chọn) (µm) Guard Film (optional)		≥ 12		

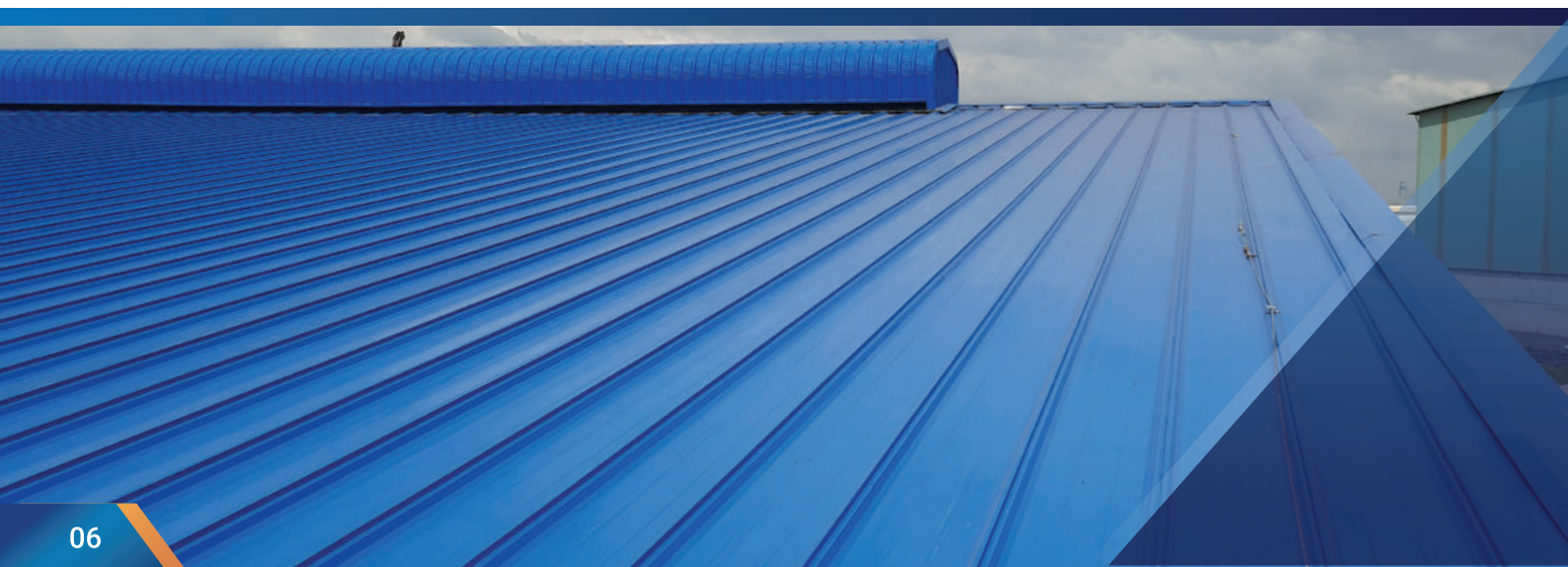
ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM/PRODUCT ATTRIBUTES

Đặc tính Property		Kết quả & phương pháp đánh giá Result & Test/Evaluation method	
Độ bám dính Adhesion	Độ chịu ép phòng Reverse impact	100% NTO (ASTM E643)	
	Độ bền uốn T-bend	≤ 3T	
	Độ bền va đập Impact resistance (J)	Min 10 (J) (ASTM D2794)	
Độ cứng Hardness	Bút chì Pencil	Min F	
Độ bóng Specular gloss	Góc 60 độ At 60 degree	± 5 GU (Theo màu sơn / According to the paint color)	
Chống mài mòn Resistance to abrasion	CS10W - 1000gr	≤ 20 mg / 100 chu kỳ / 100 cycles (ASTM D4060)	
Chống ăn mòn bề mặt Resistance to corrosion	Phun sương muối Qfog	1000 giờ / 1000 hours (ASTM B117) Phòng rộp bề mặt tối thiểu cấp độ 8 / #8 Min blisters on face Ăn mòn lớn nhất 2mm từ vết cắt (vết cắt chữ X) / 2mm max scribe creep (X-Cut) (Dán 4 cạnh viền / Sealed 4 edges)	
Kháng phai màu Resistance to color change	Độ chịu đựng thời tiết giả lập QUV	2000 giờ / 2000 hours (ASTM G154) ΔE < 5 (ASTM D2244)	
Kháng phấn hóa Resistance to chalking		2000 giờ / 2000 hours (ASTM G154) A: 8* rating (ASTM D4214)	
Kháng dung môi, axit, kiềm Resistance to solvents, acids, alkalis	Tiếp xúc Exposure	≥ 100 DR (Theo tiêu chuẩn sản phẩm/ According to product standard) ▲Kháng kiềm/ Alkali resistance: đạt/ passes 10% (25% NaOH) 24 giờ/ hours (10% Muriatic acid) 18 giờ/ hours (20% Sulfuric acid) ▲Kháng axit/ Acid resistance: (ASTM D1308)	

**GRAHAM WHITE (92)****BRIGHT WHITE (94)****SANDSTONE (56)****ROASTED RED PEPPER (36)****AGED COPPER (52)****FASHION GREY (36)****WASHINGTON WHITE (80)****SUNLIGHT SILVER (77)****ỨNG DỤNG/USAGE**

Làm vách, tấm lợp cho các nhà máy sản xuất có phát sinh hơi hóa chất hoặc độ ẩm cao như nhà máy sản xuất hóa chất, nhà máy nhuộm, resort, hồ bơi, trang trại chăn nuôi nông nghiệp...

Making walls and roofing sheets for factories that generate chemical vapor or high moisture such as chemical factories, dye factories, resorts, swimming pools, agricultural farms ...





TON DONG A

cùng xây cuộc sống xanh

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 



THÔNG TIN SẢN PHẨM/PRODUCT DESCRIPTION

KINGMAX CLEAN là sản phẩm cao cấp của Tôn Đông Á với công nghệ sản xuất vượt trội, sử dụng hệ sơn đặc biệt kết hợp với lớp thép nền mạ kẽm hoặc hợp kim nhôm kẽm. Ưu điểm nổi bật của KINGMAX CLEAN là khả năng tự làm sạch bề mặt tấm lợp, giúp sản phẩm có độ bền màu cao và chống ăn mòn vượt trội, từ đó gia tăng tuổi thọ cho công trình.

KINGMAX CLEAN is a premium product of Ton Dong A with superior manufacturing technology, using special paint system combined with zinc or aluminum-zinc alloy coating. The Outstanding advantage of KINGMAX CLEAN is its ability to self-clean the roof surface, helping the product to have high color fastness and superior corrosion resistance, thereby increase the longevity project.

ƯU ĐIỂM VƯỢT TRỘI/PREDOMINANCE

- **Độ bền màu cao của hệ sơn với công thức cải tiến cho khả năng tự làm sạch bề mặt.**
- **Khả năng chống ăn mòn vượt trội.**
- *High color fastness of the coating system with an innovative formulation for self-cleaning capabilities.*
- *Outstanding corrosion resistance.*

CẤU TRÚC SẢN PHẨM/ PRODUCT STRUCTURE



Lớp sơn hoàn thiện mặt chính

Top finish coat

≥ 20μm, SPE
(Self-cleaning Super Polyester)

Lớp sơn lót mặt chính

Top primer coat

≥ 5μm, PE (Polyester)

Lớp biến tính

Conversion coat

20 ~ 40 mg/m²

Lớp mạ nhôm kẽm

Galvalume

AZ150/AZ200

Thép nền

Substrate

Lớp mạ nhôm kẽm

Galvalume

AZ150/AZ200

Lớp biến tính

Conversion coat

20 ~ 40 mg/m²

Lớp sơn lót mặt lưng

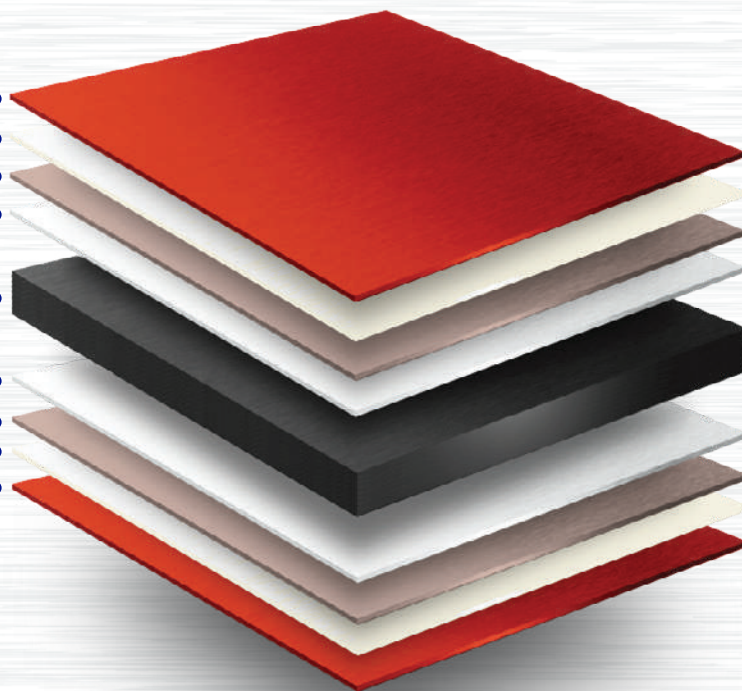
Back primer coat

≥ 4μm, PE (Polyester)

Lớp sơn hoàn thiện mặt lưng

Back finish coat

≥ 6μm, PE (Polyester)



BẢO HÀNH* /WARRANTY*

(Đơn vị/Units: Năm/Years)



(*) Áp dụng theo điều kiện & điều khoản bảo hành của Tôn Đông Á
Ton Dong A's warranty terms & condition apply

(*) Đây là thông tin tham khảo về chế độ bảo hành danh định cho sản phẩm Ton Dong A. Tùy theo điều kiện thiết kế, lắp đặt, vị trí lắp đặt và điều kiện sử dụng bên trong công trình, thời gian bảo hành có thể thay đổi. Chứng nhận bảo hành sẽ cung cấp cho khách hàng sau khi công trình được hoàn thành.

This is the reference information about the nominal warranty for Ton Dong A products. Depending on the design, installation, installation location and using conditions, the warranty period may be changed. Warranty certificate will be provided to Customers after completing the project.

THÔNG SỐ SẢN PHẨM/PRODUCT SPECIFICATION

Loại sản phẩm Product type		PPGL (Pre-painted galvalume coated steel)	
Hợp kim nhôm kẽm Aluminium - Zinc Alloy		(55% Al + 43,5% Zn + 1,5% Si)	
Khối lượng lớp mạ (g/m²/2 mặt) Coating mass (g/m²/both sides)		AZ150	AZ200
Độ dày thép nền – BMT (mm) Base metal thickness		0,32 ~ 0,65	0,35 ~ 0,65
Độ dày bao gồm lớp mạ hợp kim – TCT (mm) Total coating thickness		0,37 ~ 0,70	0,40 ~ 0,70
Độ dày thành phẩm – APT (mm) After painting thickness		0,39 ~ 0,72	0,43 ~ 0,73
Độ dày lớp sơn khô – DFT Dry film thickness (µm)	Mặt chính Top coat	≥ 25 (sơn lót + sơn hoàn thiện/ primer + finish coat)	
	Mặt lưng Back coat	≥ 10 (sơn lót + sơn hoàn thiện/ primer + finish coat)	≥ 12 (sơn lót + sơn hoàn thiện/ primer + finish coat)

ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM/PRODUCT ATTRIBUTES

Đặc tính Property		Kết quả & phương pháp đánh giá Result & Test/Evaluation method
Độ bám dính Adhesion	Độ chịu ép phòng Reverse impact	100% NTO (ASTM E643)
	Độ bền uốn T-bend	≤ 3T
	Độ bền va đập Impact resistance (J)	Min 7 (J) (ASTM D2794)
Độ cứng Hardness	Bút chì Pencil	Min 2H
Độ bóng Specular gloss	Góc 60 độ At 60 degree	± 5 GU (Theo màu sơn / According to the paint color)
Chống mài mòn Resistance to abrasion	CS10W - 1000gr	≤ 20 mg / 100 chu kỳ / 100 cycles (ASTM D4060)
Chống ăn mòn bề mặt Resistance to corrosion	Phun sương muối Qfog	1000 giờ / 1000 hours (ASTM B117) Phòng rộp bề mặt tối thiểu cấp độ 8 / #8 Min blisters on face Ăn mòn lớn nhất 3mm từ vết cắt (vết cắt chữ X) / 3mm max scribe creep (X-Cut) (Dán 4 cạnh viền / Sealed 4 edges)
Kháng phai màu Resistance to color change	Độ chịu đựng thời tiết giả lập QUV	1000 giờ / 1000 hours (ASTM G154) ΔE < 5 (ASTM D2244)
Kháng phấn hóa Resistance to chalking		1000 giờ / 1000 hours (ASTM G154) A: 8* rating (ASTM D4214)
Kháng dung môi Resistance to solvents	Tiếp xúc Exposure	≥ 100 DR (Theo tiêu chuẩn sản phẩm / According to product standard)



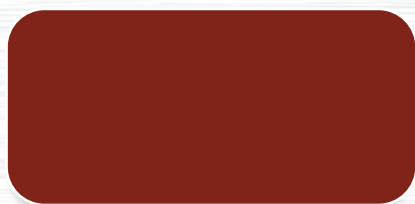
KIWI GREY (21)
GR41



PEWTER GREY (66)
GR42



SHALE GREY (69)
GR43



PHOENIX RED (43)
DO27



MEAN GREEN (48)
XN19



TEA GREEN (75)
XN20



YALE BLUE (34)
XD26



OLYMPIC BLUE (28)
XD27



ROYAL BLUE (70)
XD28

ỨNG DỤNG/USAGE



Làm vách, tấm lợp cho các công trình yêu cầu thẩm mỹ, độ bền màu.

Making walls and roofing sheets for projects that require aesthetics and color fastness.



TON DONG A

cùng xây cuộc sống xanh

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



THÔNG TIN SẢN PHẨM/PRODUCT DESCRIPTION

KINGMAX SMP là sản phẩm cao cấp được Tôn Đông Á sản xuất phù hợp cho công trình tại các khu vực với điều kiện nhiệt độ môi trường có sự chênh lệch và chuyển tiếp đột ngột.

KINGMAX SMP is a premium product of Ton Dong A, is suitable for the project in areas with temperature variations and sudden transitions.

ƯU ĐIỂM VƯỢT TRỘI/PREDOMINANCE

Khả năng chịu sự thay đổi đột ngột của nhiệt độ (Shock nhiệt) giữa nóng & lạnh.

Resistance to sudden changes in temperature (thermal Shock) between hot & cold.



Lớp sơn hoàn thiện mặt chính

Top finish coat

≥ 20μm, SMP/SPE
(Silicone Modified Polyester
/Super Polyester)

Lớp sơn lót mặt chính

Top primer coat

≥ 5μm, PE (Polyester)

Lớp biến tính

Conversion coat

20 ~ 40 mg/m²

Lớp mạ nhôm kẽm

Galvalume

AZ150/AZ200

Thép nền

Substrate

Lớp mạ nhôm kẽm

Galvalume

AZ150/AZ200

Lớp biến tính

Conversion coat

20 ~ 40 mg/m²

Lớp sơn lót mặt lưng

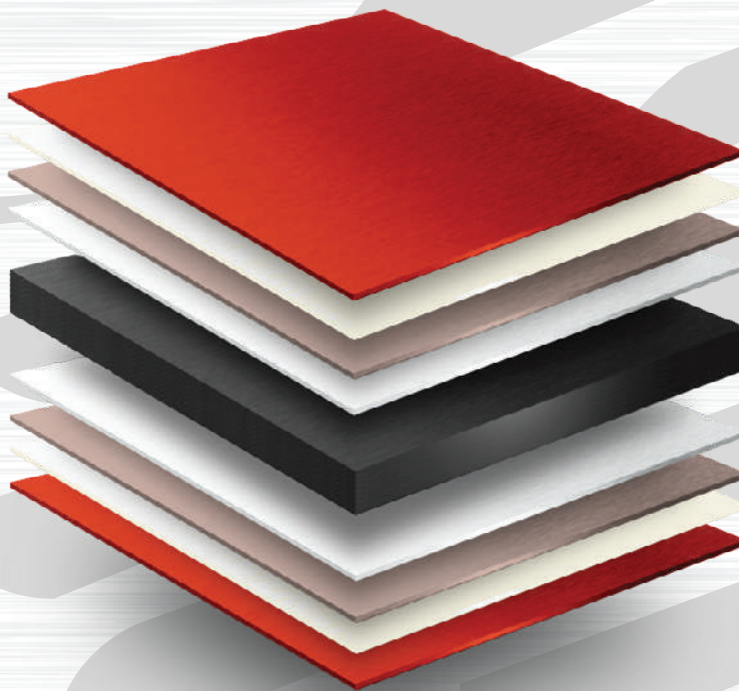
Back primer coat

≥ 4μm, PE (Polyester)

Lớp sơn hoàn thiện mặt lưng

Back finish coat

≥ 6μm, PE (Polyester)



BẢO HÀNH* /WARRANTY*

(Đơn vị/Units: Năm/Years)



(*) Áp dụng theo điều kiện & điều khoản bảo hành của Tôn Đông Á
Ton Dong A's warranty terms & condition apply

(*) Đây là thông tin tham khảo về chế độ bảo hành danh định cho sản phẩm Tôn Đông Á. Tùy theo điều kiện thiết kế, lắp đặt, vị trí lắp đặt và điều kiện sử dụng bên trong công trình, thời gian bảo hành có thể thay đổi. Chứng nhận bảo hành sẽ cung cấp cho khách hàng sau khi công trình được hoàn thành.

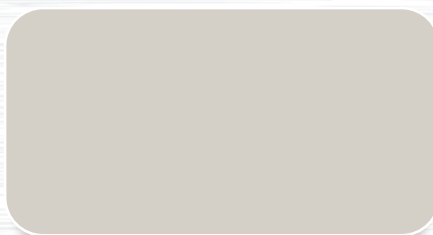
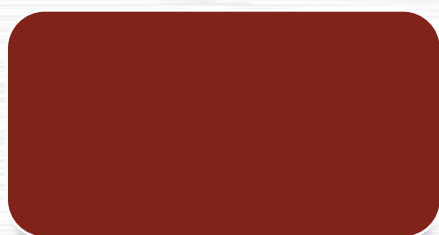
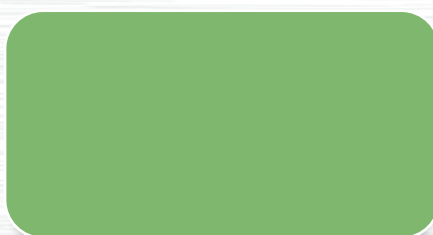
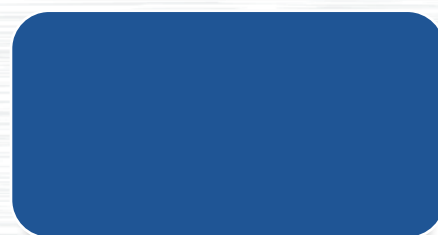
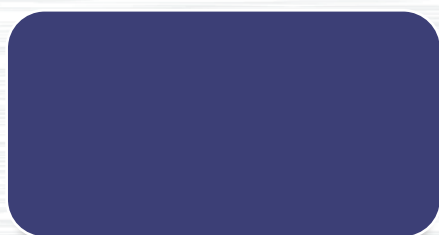
This is the reference information about the nominal warranty for Ton Dong A products. Depending on the design, installation, installation location and using conditions, the warranty period may be changed. Warranty certificate will be provided to Customers after completing the project.

THÔNG SỐ SẢN PHẨM/PRODUCT SPECIFICATION

Loại sản phẩm Product type		PPGL (Pre-painted galvalume coated steel)	
Hợp kim nhôm kẽm Aluminium - Zinc Alloy		(55% Al + 43,5% Zn + 1,5% Si)	
Khối lượng lớp mạ (g/m ² /2 mặt) Coating mass (g/m ² /both sides)		AZ150	AZ200
Độ dày thép nền – BMT (mm) Base metal thickness		0,32 ~ 0,65	0,35 ~ 0,65
Độ dày bao gồm lớp mạ hợp kim – TCT (mm) Total coating thickness		0,37 ~ 0,70	0,40 ~ 0,70
Độ dày thành phẩm – APT (mm) After painting thickness		0,39 ~ 0,72	0,43 ~ 0,73
Độ dày lớp sơn khô – DFT Dry film thickness (µm)	Mặt chính Top coat	≥ 25 (sơn lót + sơn hoàn thiện/ primer + finish coat)	
	Mặt lưng Back coat	≥ 10 (sơn lót + sơn hoàn thiện/ primer + finish coat)	≥ 12 (sơn lót + sơn hoàn thiện/ primer + finish coat)

ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM/PRODUCT ATTRIBUTES

Đặc tính Property		Kết quả & phương pháp đánh giá Result & Test/Evaluation method
Độ bám dính Adhesion	Độ chịu ép phòng Reverse impact	100% NTO (ASTM E643)
	Độ bền uốn T-bend	≤ 3T
	Độ bền va đập Impact resistance (J)	Min 7 (J) (ASTM D2794)
Độ cứng Hardness	Bút chì Pencil	Min 2H
Độ bóng Specular gloss	Góc 60 độ At 60 degree	± 5 GU (Theo màu sơn / According to the paint color)
Chống mài mòn Resistance to abrasion	CS10W - 1000gr	≤ 20 mg / 100 chu kỳ / 100 cycles (ASTM D4060)
Chống ăn mòn bề mặt Resistance to corrosion	Phun sương muối Qfog	1000 giờ / 1000 hours (ASTM B117) Phòng rộp bề mặt tối thiểu cấp độ 8 / #8 Min blisters on face Ăn mòn lớn nhất 3mm từ vết cắt (vết cắt chữ X) / 3mm max scribe creep (X-Cut) (Dán 4 cạnh viền / Sealed 4 edges)
Kháng phai màu Resistance to color change	Độ chịu đựng thời tiết giả lập QUV	2000 giờ / 2000 hours (ASTM G154) ΔE < 5 (ASTM D2244)
Kháng phấn hóa Resistance to chalking		2000 giờ / 2000 hours (ASTM G154) A: 8* rating (ASTM D4214)
Kháng dung môi Resistance to solvents	Tiếp xúc Exposure	≥ 100 DR (Theo tiêu chuẩn sản phẩm / According to product standard)

**COLOR #01****COLOR #02****COLOR #03****COLOR #04****COLOR #05****COLOR #06****COLOR #07****COLOR #08****COLOR #09****COLOR #10****COLOR #11****COLOR #12****ỨNG DỤNG/USAGE**

Làm vách, tấm lợp cho các công trình đòi hỏi độ bền cao hoặc có sự thay đổi nhiệt độ lớn.

Making walls roofing sheets for projects that require high durability or have large temperature changes.



TON DONG A

cùng xây cuộc sống xanh

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



THÔNG TIN SẢN PHẨM/PRODUCT DESCRIPTION

KINGMAX LEED là sản phẩm cao cấp của Tôn Đông Á với tính năng giảm nhiệt độ bề mặt mái bằng cách làm giảm sự hấp thụ bức xạ mặt trời của tấm lợp. Tùy thuộc vào màu sắc lựa chọn sử dụng sẽ cho khả năng phản hồi bức xạ mặt trời ở mức độ cao hay thấp, từ đó tác động đến nhiệt độ mái lợp.

KINGMAX LEED is a premium product of Ton Dong A with the feature of reducing the roof surface temperature by decreasing the solar radiation absorption of the roofing sheet. Depending on the chosen color to use, there will be a high or low response to solar radiation, affecting directly the roof temperature.



ƯU ĐIỂM VƯỢT TRỘI/PREDOMINANCE

- Tiết kiệm chi phí tiêu thụ điện năng.
- Đem lại hiệu quả mát hơn trong môi trường làm việc.
- Đóng góp vào thang điểm để dự án đạt được tiêu chuẩn LEED.
- Save the cost of power consumption.
- Bring cooler efficiency in the working environment.
- Contribute to the scale for the project to achieve LEED standards.



CẤU TRÚC SẢN PHẨM/PRODUCT STRUCTURE



Lớp sơn hoàn thiện mặt chính

Top finish coat

≥ 20μm, SPE
(Super Polyester) (SRI ≥ 82)

Lớp sơn lót mặt chính

Top primer coat

≥ 5μm, PE (Polyester)

Lớp biến tính

Conversion coat

20 ~ 40 mg/m²

Lớp mạ nhôm kẽm

Galvalume

AZ150/AZ200

Thép nền

Substrate

Lớp mạ nhôm kẽm

Galvalume

AZ150/AZ200

Lớp biến tính

Conversion coat

20 ~ 40 mg/m²

Lớp sơn lót mặt lưng

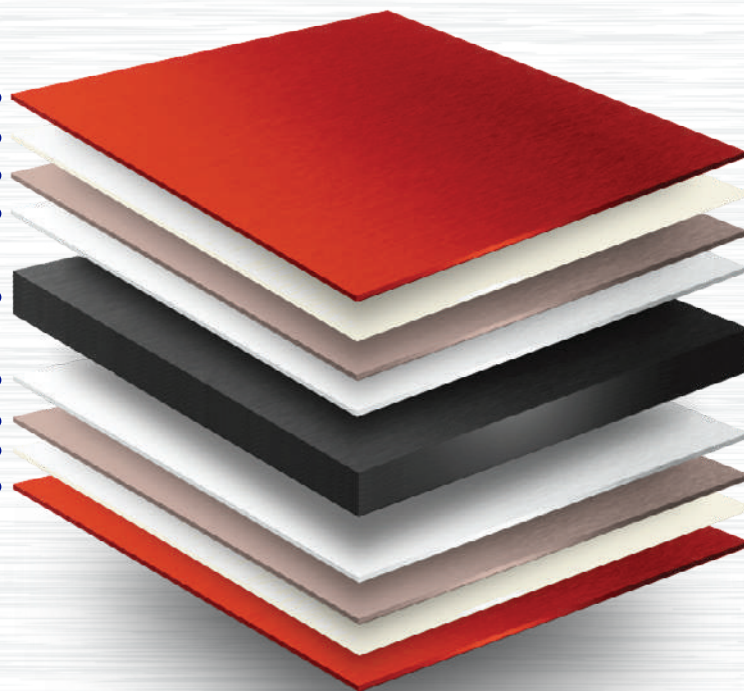
Back primer coat

≥ 4μm, PE (Polyester)

Lớp sơn hoàn thiện mặt lưng

Back finish coat

≥ 6μm, PE (Polyester)



BẢO HÀNH* / WARRANTY*

(Đơn vị/Units: Năm/Years)



(*) Áp dụng theo điều kiện & điều khoản bảo hành của Tôn Đông Á
Ton Dong A's warranty terms & condition apply

(*) Đây là thông tin tham khảo về chế độ bảo hành danh định cho sản phẩm Tôn Đông Á. Tùy theo điều kiện thiết kế, lắp đặt, vị trí lắp đặt và điều kiện sử dụng bên trong công trình, thời gian bảo hành có thể thay đổi. Chứng nhận bảo hành sẽ cung cấp cho khách hàng sau khi công trình được hoàn thành.

This is the reference information about the nominal warranty for Ton Dong A products. Depending on the design, installation, installation location and using conditions, the warranty period may be changed. Warranty certificate will be provided to Customers after completing the project.

* Màu tiêu chuẩn LEED (Đạt SRI ≥ 82 cho độ dốc mái thấp $\leq 15\%$)

* LEED Standard colour (Meet SRI ≥ 82 for low-sloped roof $\leq 15\%$)



SMOOTH CREAM (84*)
VA31



ZIRCONIUM WHITE (85*)
TR57



CLASSIC WHITE (94*)
TR77

ỨNG DỤNG/USAGE

Làm vách, tấm lợp cho các công trình xanh (Green building) hoặc các công trình có yêu cầu chỉ số phản xạ ánh sáng mặt trời (SRI - Solar Reflectance Index).

Making walls, roofing sheets for green buildings or projects that require Solar Reflectance Index (SRI).





TON DONG A

cùng xây cuộc sống xanh

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 



THÔNG TIN SẢN PHẨM/PRODUCT DESCRIPTION

KINGMAX PANEL là sản phẩm cao cấp được Tôn Đông Á phối hợp cùng các nhà cung cấp sơn hàng đầu thế giới với bề dày lịch sử trên 100 năm trong lĩnh vực nghiên cứu sơn đem đến mức độ bám dính tốt nhất của lớp tôn mạ màu bên ngoài và phần cách nhiệt bên trong, giúp cho sản phẩm có khả năng đáp ứng các yêu cầu cao nhất của thị trường.

KINGMAX PANEL is a premium product of Ton Dong A cooperated with the world's leading paint suppliers with a history of over 100 years in the field of paint research to provide the best adhesion between the color coating and the internal insulation, helping the product meet the highest demands of the market.

ƯU ĐIỂM VƯỢT TRỘI/PREDOMINANCE

Độ bám dính cao giữa lớp tôn mạ màu với lớp cách nhiệt bên trong.

High adhesion between the color coating and the internal insulation.

CẤU TRÚC SẢN PHẨM/PRODUCT STRUCTURE

Lớp sơn hoàn thiện mặt chính Top finish coat

≥ 10μm, PE (Polyester)

Lớp sơn lót mặt chính Top primer coat

≥ 4μm, PE (Polyester)

Lớp biến tính Conversion coat

20 ~ 40 mg/m²

Lớp mạ nhôm kẽm Galvalume

AZ30/AZ50/ AZ70/ AZ100/
AZ150/AZ200

Thép nền Substrate

Lớp mạ nhôm kẽm Galvalume

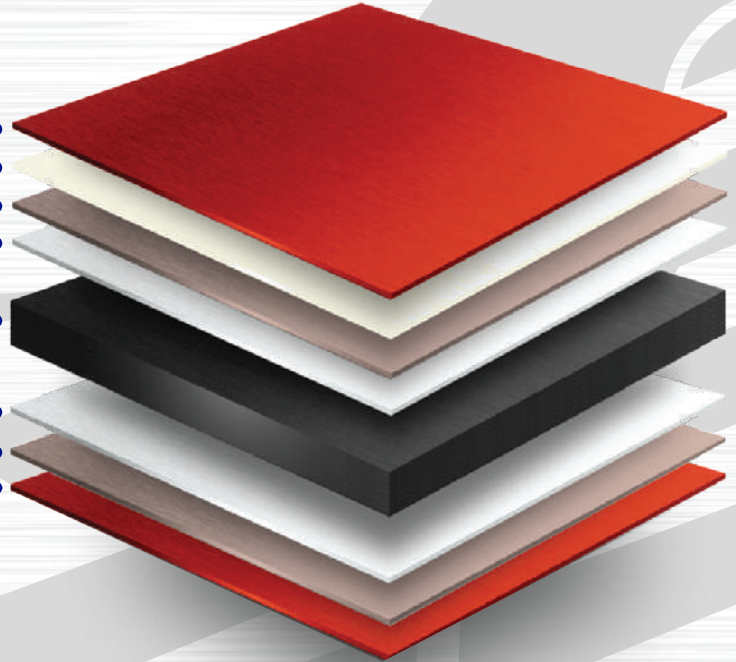
AZ30/AZ50/ AZ70/ AZ100/
AZ150/AZ200

Lớp biến tính Conversion coat

20 ~ 40 mg/m²

Lớp sơn hoàn thiện mặt lưng Back finish coat

≥ 5μm, PE (Polyester)/ Epoxy



BẢO HÀNH* /WARRANTY*

(Đơn vị/Units: Năm/Years)



(*) Áp dụng theo điều kiện & điều khoản bảo hành của Tôn Đông Á
Ton Dong A's warranty terms & condition apply

(*) Đây là thông tin tham khảo về chế độ bảo hành danh định cho sản phẩm Tôn Đông Á. Tùy theo điều kiện thiết kế, lắp đặt, vị trí lắp đặt và điều kiện sử dụng bên trong công trình, thời gian bảo hành có thể thay đổi. Chứng nhận bảo hành sẽ cung cấp cho khách hàng sau khi công trình được hoàn thành.

This is the reference information about the normal warranty for Ton Dong A products. Depending on the design, installation, installation location and using conditions, the warranty period may be changed. Warranty certificate will be provided to Customers after completing the project.

THÔNG SỐ SẢN PHẨM/PRODUCT SPECIFICATION

Loại sản phẩm Product type		PPGL (Pre-painted galvalume coated steel)					
Hợp kim nhôm kẽm Aluminium - Zinc Alloy		(55% Al + 43,5% Zn + 1,5% Si)					
Khối lượng lớp mạ (g/m²/2 mặt) Coating mass (g/m²/both sides)		AZ30	AZ50	AZ70	AZ100	AZ150	AZ200
Độ dày thép nền – BMT (mm) Base metal thickness		0,29 ~ 0,40	0,29 ~ 0,40	0,29 ~ 0,40	0,29 ~ 0,55	0,32 ~ 0,55	0,32 ~ 0,55
Độ dày bao gồm lớp mạ hợp kim – TCT (mm) Total coating thickness		0,30 ~ 0,41	0,30 ~ 0,41	0,31 ~ 0,42	0,32 ~ 0,58	0,37 ~ 0,60	0,37 ~ 0,60
Độ dày thành phẩm – APT (mm) After painting thickness		0,32 ~ 0,43	0,32 ~ 0,43	0,32 ~ 0,43	0,33 ~ 0,59	0,39 ~ 0,62	0,40 ~ 0,63
Độ dày lớp sơn khô – DFT Dry film thickness (µm)	Mặt chính Top coat	≥ 14 (sơn lót + sơn hoàn thiện/ primer + finish coat)			≥ 17 (sơn lót + sơn hoàn thiện/ primer + finish coat)	≥ 20 (sơn lót + sơn hoàn thiện/ primer+finish coat)	≥ 25 (sơn lót + sơn hoàn thiện/ primer+finish coat)
	Mặt lưng Back coat	≥ 5 (sơn hoàn thiện/ finish coat)			≥ 7 (sơn lót + sơn hoàn thiện/ primer+finish coat)	≥ 12 (sơn lót + sơn hoàn thiện/ primer+finish coat)	

ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM/PRODUCT ATTRIBUTES

Đặc tính Property		Kết quả & phương pháp đánh giá Result & Test/Evaluation method					
		AZ30	AZ50	AZ70	AZ100	AZ150	AZ200
Độ bám dính Adhesion	Độ chịu ép phòng Reverse impact	100% NTO (ASTM E643)					
	Độ bền uốn T-bend	≤ 3T					
	Độ bền va đập Impact resistance (J)	Min 5 (J) (ASTM D2794)					
Độ cứng Hardness	Bút chì Pencil	Min 2H					
Độ bóng Specular gloss	Góc 60 độ At 60 degree	± 5 GU (Theo màu sơn / According to the paint color)					
Chống mài mòn Resistance to abrasion	CS10W - 1000gr	≤ 20 mg / 100 chu kỳ / 100 cycles (ASTM D4060)					
Chống ăn mòn bề mặt Resistance to corrosion	Phun sương muối Qfog	500 giờ / 500 hours (ASTM B117) Phòng rộp bề mặt tối thiểu cấp độ 8 / #8 Min blisters on face Ăn mòn lớn nhất 3mm từ vết cắt (vết cắt chữ X) / 3mm max scribe creep (X-Cut) (Dán 4 cạnh viền / Sealed 4 edges)					
Kháng phai màu Resistance to color change	Độ chịu đựng thời tiết giả lập QUV	500 giờ / 500 hours (ASTM G154) ΔE < 8 (ASTM D2244)			1000 giờ / 1000 hours (ASTM G154) ΔE < 5 (ASTM D2244)		
Kháng phấn hóa Resistance to chalking		500 giờ / 500 hours (ASTM G154) A: 6* rating (ASTM D4214)			1000 giờ / 1000 hours (ASTM G154) A: 8* rating (ASTM D4214)		
Kháng dung môi Resistance to solvents	Tiếp xúc Exposure	≥ 100 DR (Theo tiêu chuẩn sản phẩm / According to product standard)					

BẢNG MÀU/COLOR SWATCH



TON DONG A

cùng xây cuộc sống xanh

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 



AGARIC BROWN
BR1



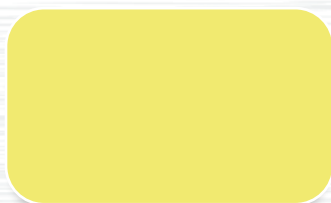
LIBRA RED
DO3



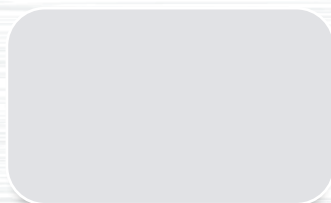
GERANIUM RED
DO1



QUOKKA GREY
GR1



APRICOT YELLOW
VA3



ORIENTAL WHITE
TR3



ORANGE
CA2



NENE GREY
GR4



VERONICA BLUE
XD1



WINTER BLUE
XD5



CHIVE GREEN
XR2



BAMBOO GREEN
XN3

ỨNG DỤNG/USAGE

Làm vách, tấm lợp cho kho lạnh, kho đông và các ứng dụng cách âm/ cách nhiệt.

Making walls, roofing for cold storage, freezer and sound insulation / heat insulation applications.





THÔNG TIN SẢN PHẨM/PRODUCT DESCRIPTION

KINGMAX METALLIC là sản phẩm cao cấp của Tôn Đông Á được sản xuất phù hợp với yêu cầu của các dự án đặc biệt đòi hỏi hiệu ứng ánh kim, thể hiện sự cứng cáp và vững chãi của kim loại thông qua ý đồ thiết kế mang tính biểu trưng riêng của công trình.

KINGMAX METALLIC is a premium product of Ton Dong A which is produced to suit the requirements of special projects requiring iridescent effects, expressing the sturdy and steadiness of the metal through the symbolic design intentions of the project.

ƯU ĐIỂM VƯỢT TRỘI/PREDOMINANCE

- Tạo sự khác biệt cho công trình theo từng góc nhìn và điều kiện ánh sáng, đem lại hiệu quả thị giác.
- Tạo cho công trình vẻ đẹp ấn tượng, thu hút ánh nhìn.

- *Make a difference for the building according to each view and lighting conditions, bringing visual efficiency.*
- *Make an impression, attract the vision.*

CẤU TRÚC SẢN PHẨM/PRODUCT STRUCTURE



KINGMAX
METALLIC

Lớp sơn hoàn thiện mặt chính

Top finish coat

≥ 20μm,
PE (Polyester)

Lớp sơn lót mặt chính

Top primer coat

≥ 5μm, PE (Polyester)

Lớp biến tính

Conversion coat

20 ~ 40 mg/m²

Lớp mạ nhôm kẽm

Galvalume

AZ150/AZ200

Thép nền

Substrate

Lớp mạ nhôm kẽm

Galvalume

AZ150/AZ200

Lớp biến tính

Conversion coat

20 ~ 40 mg/m²

Lớp sơn lót mặt lưng

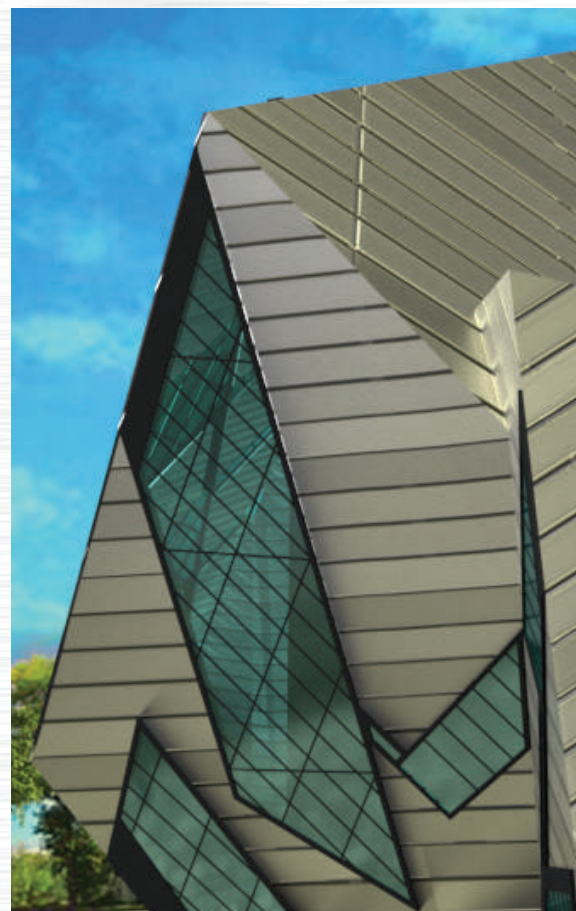
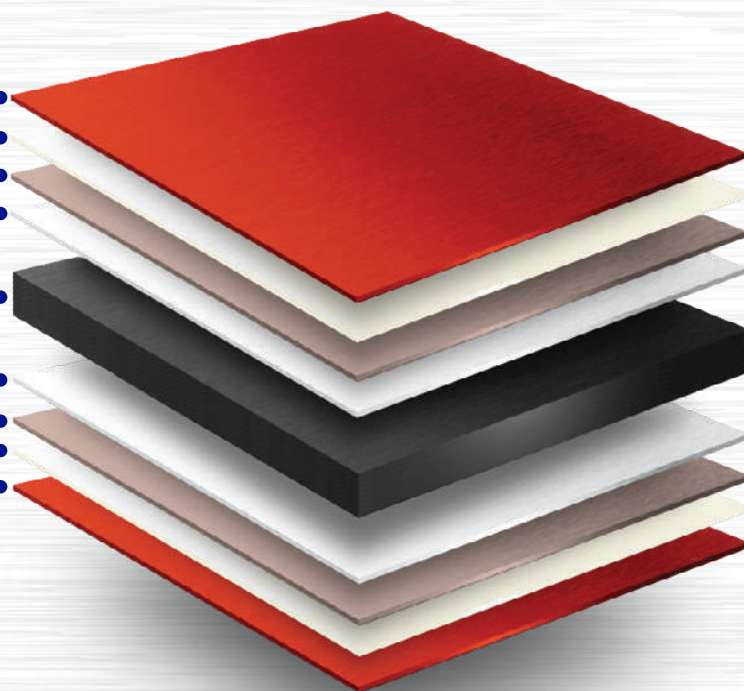
Back primer coat

≥ 4μm, PE (Polyester)

Lớp sơn hoàn thiện mặt lưng

Back finish coat

≥ 6μm, PE (Polyester)



BẢO HÀNH* /WARRANTY*

(Đơn vị/Units: Năm/Years)



(*) Áp dụng theo điều kiện & điều khoản bảo hành của Tôn Đông Á
Ton Dong A's warranty terms & condition apply

(*) Đây là thông tin tham khảo về chế độ bảo hành danh định cho sản phẩm Tôn Đông Á. Tùy theo điều kiện thiết kế, lắp đặt, vị trí lắp đặt và điều kiện sử dụng bên trong công trình, thời gian bảo hành có thể thay đổi. Chứng nhận bảo hành sẽ cung cấp cho khách hàng sau khi công trình được hoàn thành.

This is the reference information about the nominal warranty for Ton Dong A products. Depending on the design, installation, installation location and using conditions, the warranty period may be changed. Warranty certificate will be provided to Customers after completing the project.

THÔNG SỐ SẢN PHẨM/PRODUCT SPECIFICATION

Loại sản phẩm Product type		PPGL (Pre-painted galvalume coated steel)	
Hợp kim nhôm kẽm Aluminium - Zinc Alloy		(55% Al + 43,5% Zn + 1,5% Si)	
Khối lượng lớp mạ (g/m²/2 mặt) Coating mass (g/m²/both sides)		AZ150	AZ200
Độ dày thép nền – BMT (mm) Base metal thickness		0,32 ~ 0,65	0,35 ~ 0,65
Độ dày bao gồm lớp mạ hợp kim – TCT (mm) Total coating thickness		0,37 ~ 0,70	0,40 ~ 0,70
Độ dày thành phẩm – APT (mm) After painting thickness		0,39 ~ 0,72	0,43 ~ 0,73
Độ dày lớp sơn khô – DFT Dry film thickness (µm)	Mặt chính Top coat	≥ 25 (sơn lót + sơn hoàn thiện/ primer + finish coat)	
	Mặt lưng Back coat	≥ 10 (sơn lót + sơn hoàn thiện/ primer + finish coat)	≥ 12 (sơn lót + sơn hoàn thiện/ primer + finish coat)

ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM/PRODUCT ATTRIBUTES

Đặc tính Property		Kết quả & phương pháp đánh giá Result & Test/Evaluation method
Độ bám dính Adhesion	Độ chịu ép phòng Reverse impact	100% NTO (ASTM E643)
	Độ bền uốn T-bend	≤ 3T
	Độ bền va đập Impact resistance (J)	Min 7 (J) (ASTM D2794)
Độ cứng Hardness	Bút chì Pencil	Min 2H
Độ bóng Specular gloss	Góc 60 độ At 60 degree	± 5 GU (Theo màu sơn / According to the paint color)
Chống mài mòn Resistance to abrasion	CS10W - 1000gr	≤ 20 mg / 100 chu kỳ / 100 cycles (ASTM D4060)
Chống ăn mòn bề mặt Resistance to corrosion	Phun sương muối Qfog	500 giờ / 500 hours (ASTM B117) Phòng rộp bề mặt tối thiểu cấp độ 8 / #8 Min blisters on face Ăn mòn lớn nhất 3mm từ vết cắt (vết cắt chữ X) / 3mm max scribe creep (X-Cut) (Dán 4 cạnh viền / Sealed 4 edges)
Kháng phai màu Resistance to color change	Độ chịu đựng thời tiết giả lập QUV	500 giờ / 500 hours (ASTM G154) ΔE < 5 (ASTM D2244)
Kháng phấn hóa Resistance to chalking		500 giờ / 500 hours (ASTM G154) A: 8* rating (ASTM D4214)
Kháng dung môi Resistance to solvents	Tiếp xúc Exposure	≥ 100 DR (Theo tiêu chuẩn sản phẩm / According to product standard)



METALLIC CETUS
GR6



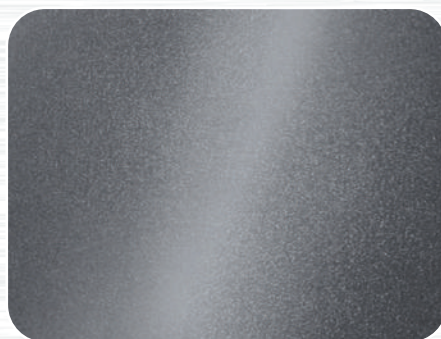
WHITE ALUMINIUM
TR74



METALLIC CATFISH
ME10



METALLIC LEMINO
ME08

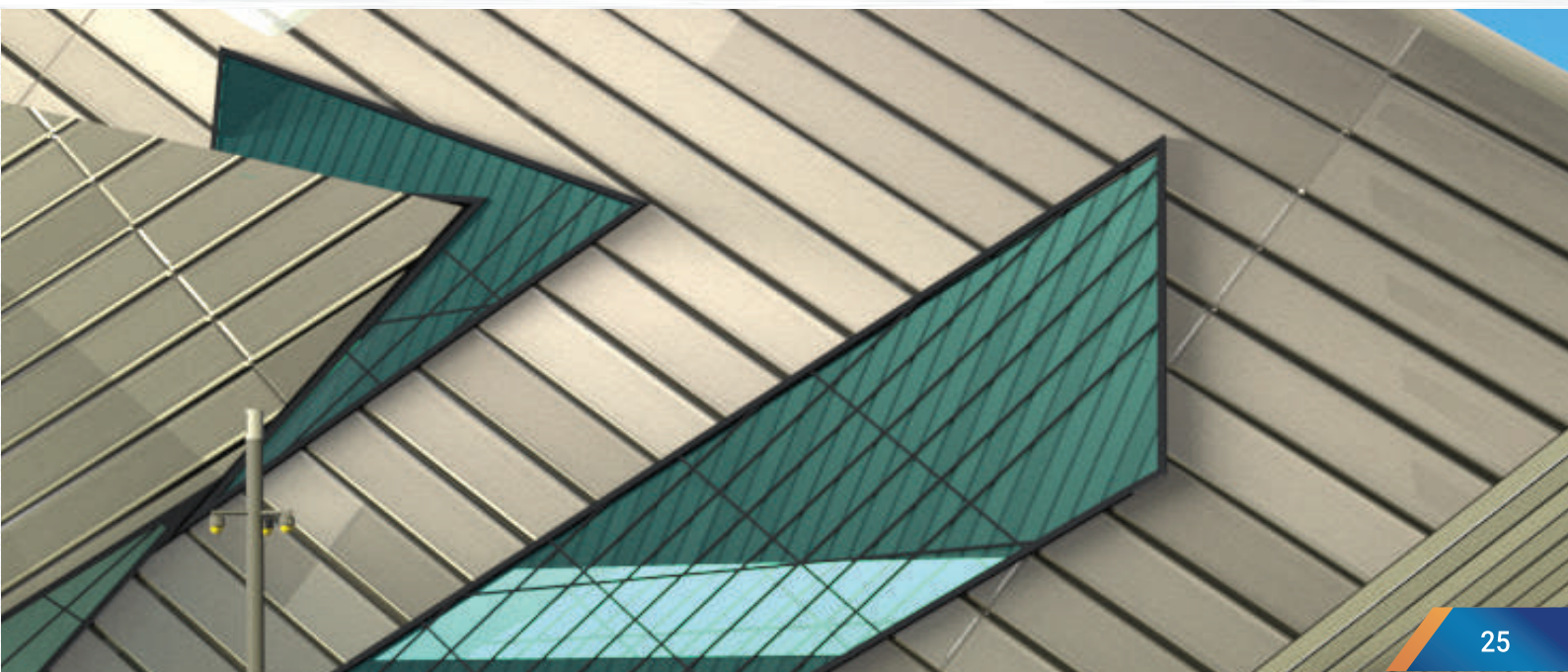


METALLIC PURI
ME3

ỨNG DỤNG/USAGE

Làm vách, tấm lợp cho các công trình đòi hỏi hiệu ứng ánh kim

Making walls and roofing sheets for projects that require a metallic effect.



ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN BẢO HÀNH / WARRANTY TERMS AND CONDITIONS

A. QUY ĐỊNH CHUNG / GENERAL REGULATIONS

Phiếu bảo hành này được áp dụng cho sản phẩm tôn lạnh phủ sơn của Tôn Đông Á khi bị ăn mòn thủng hoặc phai màu trong thời gian bảo hành dưới điều kiện môi trường thời tiết bình thường và chỉ áp dụng cho sản phẩm dùng lợp mái hoặc vách cho các công trình dân dụng, nhà kho và nhà xưởng cách môi trường biển, khu công nghiệp hoặc tác nhân ăn mòn hoặc nguồn phát sinh khí thải với bán kính theo phạm vi bảo hành của từng dòng sản phẩm và có diện tích tối thiểu $\geq 50m^2$.

This warranty is applied to Pre-painted Aluminum-Zinc alloy-coated steel sheet in coils and cut lengths (PPGL) when corroded or faded during the warranty period and only used for roofing or walling products for civil works, warehouses and factories away from marine environments, industrial environment and corrosive agents or source of emissions with a radius according to the warranty coverage of each product and a minimum area $50m^2$.

B. MỘT SỐ ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN BẢO HÀNH / TERMS AND CONDITIONS OF WARRANTY

- Thành phẩm có nhãn hiệu Tôn Đông Á chính hãng. Các loại phụ kiện gồm máng xối, khung diềm... không nằm trong danh mục được bảo hành.

Finished product with genuine Ton Dong A brand. Types of accessories including gutters, flashing... are not included in the warranty list.

- Sản phẩm cần được gia công, bảo quản, vận chuyển và sử dụng theo đúng với tài liệu "Hướng dẫn thi công - Sử dụng tấm lợp" được phát hành bởi Tôn Đông Á.

Products should be manufactured, stored, transported and used in accordance with the "Construction Guidelines - Use of Roofing" issued by Ton Dong A.

- Chế độ bảo hành được áp dụng cho công trình có thiết kế độ dốc mái với biên dạng sóng tôn như sau (độ dốc mái tối thiểu áp dụng cho trường hợp thiết kế tối ưu nhất):

Warranty is applied for projects with roof slope design with corrugated profile as follows (Minimum roof slope applicable for optimal design):

• Tôn thành phẩm cán Seamlock : Độ dốc mái $\geq 3\%$

Seamlock Roof slope $\geq 3\%$

• Tôn thành phẩm cán Kliplock : Độ dốc mái $\geq 7\%$

Kliplock Roof slope $\geq 7\%$

• Tôn thành phẩm cán sóng vuông : Độ dốc mái $\geq 7\%$

Square corrugated Roof slope $\geq 7\%$

- Tấm lợp không được tiếp xúc, sơn phủ hoặc mạ với các vật liệu không tương thích.

The roofing sheets must not be exposed, painted or coated with incompatible material.

- Không đặt tấm lợp tiếp xúc bên trên hoặc chôn lấp trong xi-măng ẩm, đất, cát ẩm trong quá trình thi công.

Do not exposed roofing sheets above or buried in wet cement, wet sandy soil during construction.

- Những vị trí chồng lợp lên nhau hoặc những vị trí không tiếp xúc nước mưa phải được làm vệ sinh đều đặn ít nhất 06 tháng 1 lần.

The locations overlapping or non-exposed to rainwater must be cleaned regularly at least once every 6 months.

- Tấm lợp cần được giữ khô ráo. Trường hợp bị ẩm ướt, phải tách riêng những tấm bị ướt và phải được làm sạch và lau khô.

Roofing sheets should be kept dry. In case of being wet, those sheets must be separated and make them cleaned and dried.

- Không dùng máy cắt cầm tay với lưỡi cửa bằng đá hoặc dùng gió đá để cắt tấm lợp, bởi vì mặt kim loại ở nhiệt độ cao sẽ phá hủy bề mặt tấm lợp.

Do not use portable cutting machines with stone blades or oxy-acetylene welders to cut the roofing plate, because the metal swarf at high temperature shall destroy the coating layers.

- Trong quá trình xây dựng, cần vệ sinh sạch sẽ mặt kim loại và rác thải trên tấm lợp mỗi ngày.

During the construction process, clean the metal swarf and rubbish on the roofing every day.

- Đinh vít phải được chế tạo từ kim loại tương thích. Khi các đinh vít bị rỉ sét, người sử dụng nên thay thế đinh vít đó để tránh ăn mòn tấm lợp.

Screws must be made from compatible metal. When the screws are rusted, such screws must be replaced to avoid corrosion on the roofing plate surface.

- Đinh vít phải được lắp vuông góc với bề mặt tấm lợp. Vòng đệm cao su phải được sử dụng đúng chủng loại. Lực xiết đinh vít phù hợp để không làm hỏng vòng đệm cao su.

Screws must be mounted perpendicular to the roof surface. Rubber gaskets must be of the correct type. Tightening screws are suitable for not damaging the rubber seals.

- Khiếu nại chỉ được tiếp nhận khi kèm theo công văn bảo hành.

Complaints are only received when accompanied by warranty certificated.

- Sản phẩm bị phai màu là sản phẩm có màu sắc thay đổi (ΔE) theo chỉ tiêu bảo hành của từng dòng sản phẩm so với mẫu sản xuất Tôn Đông Á lưu theo cuộn sản phẩm.

Color fading is a product which color change (ΔE) according to warranty criteria of each product compared with the Ton Dong A production model stored in the product roll.

- Thời gian bảo hành vẫn sẽ tiếp tục cho những sản phẩm đã được sửa chữa hoặc thay thế và tương ứng với thời gian còn lại có hiệu lực tính từ lúc ban đầu khi bảo hành.

In the case of repair or replacement, the warranty period will continue for repaired or replaced products and corresponding to the remaining period in force from the beginning of the warranty.

C. SẢN PHẨM SẼ KHÔNG ĐƯỢC BẢO HÀNH TRONG THỜI GIAN BẢO HÀNH NẾU BỊ HƯ HỎNG DO CÁC NGUYÊN NHÂN SAU/ PRODUCTS WILL NOT BE COVERED BY THE WARRANTY PERIOD IF DAMAGED DUE TO THE FOLLOWING REASONS

- Lỗi do quá trình bảo quản, vận chuyển, thi công và sử dụng không đúng cách hoặc không đúng với hướng dẫn của Tôn Đông Á.

Errors are originated from improper preservation, transportation, construction and use compared to Ton Dong A's guidelines.

- Sản phẩm được sử dụng trong môi trường: ô nhiễm, độ ẩm cao, gần biển, môi trường công nghiệp, môi trường sản xuất hoặc kho chứa hóa chất, môi trường chăn nuôi, môi trường có đun nấu bằng than đá, môi trường kho chứa hoặc sản xuất phân bón (bán kính nhỏ hơn phạm vi bảo hành của từng dòng sản phẩm).

The product is used in pollution, high humidity near the marine, industrial environment, chemical production or storage environment, breeding environment, environment relates to heating by coal, producing or storing fertilizer (radius is less than warranty coverage of each product).

- Do các tác nhân cơ học, hư hại bề mặt do sử dụng, lắp đặt và vận chuyển không đúng cách, bị trầy xước hoặc mài mòn sau khi lắp đặt.

Errors are originated from mechanical factors, surface damages due to improper use, installation and transportation scratched or abrasion after installation.

- Do các tác nhân hóa học, hư hại bề mặt do hóa chất, khói, chất thải lỏng, chất thải rắn ngoài nước mưa.

Errors are originated from chemical factors, surface damage due to chemicals, smoke, liquid waste, solid waste excluding rainwater.

- Hư hại bề mặt do hơi nước quá nhiệt xả trực tiếp lên tấm lợp mái và vách.

Surface damage due to emits water steam overheat onto roofing and walling.

- Các khu vực không thường xuyên được vệ sinh đều đặn 06 tháng 1 lần.

The areas are not regularly cleaned once per 06 months.

- Tiếp xúc lâu dài với đất cát, tro bụi, phân bón, các chất có chứa độ ẩm, chì, đồng, than, thép không gỉ, hóa chất, chất lỏng từ các vật liệu này, các vật liệu đồng và các kim loại không tương thích khác.

Prolong exposure is made with soil, sand, ash, dust, fertilizer, substances containing humidity, lead, copper, coal, stainless steel, chemicals, liquid from these materials, copper materials and other non-compatible metals.

- Có sự ngưng đọng nước trên hoặc dưới bề mặt tấm lợp, và những vị trí không tiếp xúc với nước mưa.

Water is stagnant above or below the roofing plate surface, and locations not exposed to rain.

- Không vệ sinh sạch sẽ rác trên bề mặt tấm lợp.

Debris on the roofing plate surface is not cleaned.

- Trong quá trình xây dựng, không thường xuyên vệ sinh sạch sẽ mặt kim loại trên bề mặt tấm lợp.

During construction, the swarf is not regularly cleaned out on the roofing plate surface.

- Sản phẩm tiếp xúc với gỗ tươi, gỗ ẩm đã qua xử lý.

The product exposes to fresh wood, processed wet wood.

- Chôn tấm lợp trong xi măng ướt, đất.

The plates buried in wet cement or soil.

- Sơn hoặc mạ phủ các vật liệu khác lên tấm lợp.

The plate is painted or coated with other materials.

- Lỗi rạn nứt trong quá trình cắt cán, dập tạo hình tấm lợp.

Cracks are originated from plate rolling and pressing.

- Sản phẩm thay đổi màu sắc không đồng nhất do sự phơi nhiễm với ánh sáng mặt trời không đồng nhất.

Product color changes heterogeneous due to exposure to sunlight.

- Tất cả các sự cố do thiên tai, chiến tranh hoặc các sự cố tương tự hoặc các yếu tố khác ngoài phạm vi trách nhiệm của Nhà cung cấp.

All incidents are caused by natural disasters, war, similar incidents, or other factors beyond the scope of the supplier's liability.

D. TRONG THỜI GIAN CÒN BẢO HÀNH, NẾU SẢN PHẨM BỊ HƯ HỎNG DO LỖI VẬT LIỆU, SẢN PHẨM HƯ HỎNG SẼ ĐƯỢC SỬA CHỮA HOẶC THAY THẾ BẰNG SẢN PHẨM TƯƠNG ĐƯƠNG (NGƯỜI SỬ DỤNG ĐÃ THỰC HIỆN ĐÚNG THEO ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN Ở TRÊN). TÔN ĐÔNG Á KHÔNG CÓ TRÁCH NHIỆM LIÊN ĐỐI VỚI BẤT CỨ SỰ MẤT MẮT HOẶC HƯ HỎNG ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG MỤC "A. QUY ĐỊNH CHUNG" TRONG PHIẾU BẢO HÀNH NÀY/ DURING THE WARRANTY PERIOD, IF THE PRODUCT IS DAMAGED DUE TO MATERIAL ERROR, THE DAMAGED PRODUCT WILL BE REPAIRED OR REPLACED WITH THE EQUIVALENT PRODUCT (THE USER HAS FOLLOWED CORRECTLY THE TERMS AND CONDITIONS MENTIONED ABOVE). TON DONG A HAS NO RESPONSIBILITY WITH RESPECTED TO ANY LOSS OR DAMAGE SPECIFIED IN THE "A. GENERAL REGULATIONS" SECTION OF THIS WARRANTY FORM.

TIÊU CHUẨN/STANDARD

USA



AUSTRALIA



JAPAN



EUROPE



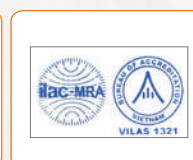
BẢO HÀNH LÊN ĐẾN/WARRANTY



Ăn mòn thủng
Perforation corrosion

Phai màu lớp sơn
Color fading

Chống bám bụi
Dustproof





TON DONG A

together we build green life

VIETNAM VALUE



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á TON DONG A CORPORATION

TRỤ SỞ CHÍNH | HEAD OFFICE

Số 5, đường số 5, KCN Sóng Thần 1, phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương
No. 5, Street 5, Song Than 1 Industrial Park, Di An Ward, Di An City, Binh Duong Province

☎ (0274) 3732575
☎ (0274) 3790420

✉ info@tondonga.com.vn
🌐 www.tondonga.com.vn

CHI NHÁNH TẠI THỦ DẦU MỘT THU DAU MOT BRANCH

Lô A3, đường D4, KCN Đồng An 2, phường Hòa Phú,
thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Lot A3, D4 Street, Dong An 2 Industrial Park, Hoa Phu Ward,
Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

☎ (0274) 3515135 ☎ info@tondonga.com.vn
☎ (0274) 3515057 🌐 www.tondonga.com.vn

VPĐD TẠI TP.HCM REPRESENTATIVE OFFICE IN HO CHI MINH CITY

18 Hồ Văn Huê, phường 9, quận Phú Nhuận,
thành phố Hồ Chí Minh
18 Ho Van Hue Street, Ward 9, Phu Nhuan District,
Ho Chi Minh City

☎ (028) 38442041 ☎ info@tondonga.com.vn
☎ (028) 38477143 🌐 www.tondonga.com.vn

CÔNG TY TNHH MTV TÔN ĐÔNG Á BÌNH DƯƠNG TON DONG A BINH DUONG CO.,LTD

Lô CN16 Ô số 9 - 10, đường số 6, KCN Sóng Thần 3,
phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Lot CN16, No. 9 - 10, Street 6, Song Than 3 Industrial Park,
Phu Tan Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province

☎ (0274) 3669674 ☎ info@tondonga.com.vn
☎ (0274) 3669675 🌐 www.tondonga.com.vn

CÔNG TY TNHH MTV TÔN ĐÔNG Á LONG AN TON DONG A LONG AN CO.,LTD

Lô D9, đường số 4, KCN Nhựt Chánh, xã Nhựt Chánh,
huyện Bến Lức, tỉnh Long An
Lot D9, Street 4, Nhut Chanh Industrial Park, Nhut Chanh
Commune, Ben Luc District, Long An Province

☎ (0272) 3637707 ☎ info@tondonga.com.vn
☎ (0272) 3637706 🌐 www.tondonga.com.vn

CÔNG TY TNHH MTV TÔN ĐÔNG Á BẮC NINH TON DONG A BAC NINH CO.,LTD

Nhà RBF - Q. khu RBF, số 36, đường 05, VSIP Bắc Ninh,
xã Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
RBF-Q, RBF Lot, No.36, Street 05, VSIP Bac Ninh, Dai Dong
Commune, Tien Du District, Bac Ninh Province

☎ (0222) 3765178 ☎ info@tondonga.com.vn
☎ (0222) 3765187 🌐 www.tondonga.com.vn

CÔNG TY TNHH MTV TÔN ĐÔNG Á ĐÀ NẴNG TON DONG A DA NANG CO.,LTD

Lô E2, đường số 7, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
Lot E2, Street 7, Hoa Khanh Industrial Park, Hoa Khanh Bac Ward
Lien Chieu District, Da Nang City

☎ (0236) 3661517
✉ mtvdanang@tondonga.com.vn
🌐 www.tondonga.com.vn

VPĐD TẠI BÌNH ĐỊNH REPRESENTATIVE OFFICE IN BINH DINH

Tầng M, Lô 52-53, Đường Lê Đức Thọ, Phường Trần Hưng Đạo, Thành
phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Floor M, Lot 52-53, Le Duc Tho Street, Tran Hung Dao Ward, Quy
Nhon City, Binh Dinh Province

☎ 0256 6270770
✉ info@tondonga.com.vn
🌐 www.tondonga.com.vn



www.tondonga.com.vn